

Bản án số: 68/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 31 – 10 - 2019

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Ông Dương Xuân Đỉnh.

- Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 325/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2019 về việc: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXX - ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Thanh T**, sinh năm 1982; nơi Đ ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ Đ, xã VL, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Số 102 đường YP, quận TH, Thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Mạnh T1**, sinh năm 1983; nơi Đ ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ Đ, xã VL, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Trương Thị Thanh T:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Mạnh T1 kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội ngày 05/01/2007. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại thôn Đ Đ, xã VL cùng gia đình anh T1.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ khi chị phát hiện ra anh T1 sử dụng ma túy năm 2007. Khi đó chị mới sinh cháu lớn nên cố gắng chịu đựng để con có cả bố và mẹ. Khoảng năm 2013, gia đình cho chồng tới đi cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm cai nghiện số 3 – Sóc Sơn trong thời gian 02 năm. Sau khi cai nghiện về, anh T1 cũng bỏ ma túy được một thời gian nhưng sau đó lại tiếp tục sử dụng ma túy. Tháng 03 năm 2017, chị sinh cháu thứ 2. Sau khi sinh cháu được khoảng 1 – 2 tháng thì chị phát hiện ra anh T1 sử dụng ma túy đá. Chị nói chuyện với anh T1 nhưng anh T1 không thay đổi, nói chuyện với bố mẹ chồng nhưng cũng không khuyên được anh T1. Khi con thứ 2 được khoảng 06 tháng tuổi thì chị chuyển về nhà mẹ đẻ ở TH sinh sống vì công việc của chị gần đó. Sau khi chị về nhà mẹ đẻ thì vợ chồng xảy ra xô sát vì anh T1 muốn mẹ con chị về Đ Đ ở nhưng chị không đồng ý vì anh T1 không đi làm ăn gì, chị phải ở bên TH đi làm lấy tiền để nuôi con. Anh T1 đã từng sang đập phá đồ đạc của gia đình bố mẹ chị, chửi bới, lăng mạ gia đình chị không cho tới làm ăn. Lần cuối cùng anh T1 sang nhà bố mẹ chị đập phá đồ đạc là khoảng tháng 5 năm 2019. Mẹ chị phải trình báo công an phường YP, khi công an phường đến thì anh T1 bỏ đi nên không lập biên bản gì.

Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T1 khi anh vẫn nghiện ma túy. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T1.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh 29/6/2007 và Nguyễn Hải P, sinh 15/3/2017. Hiện nay các con đang ở với chị, sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị ở cùng bố mẹ tôi và bán hàng ăn sáng tại phố YP, quận TH; thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trương Thị Thanh T vẫn giữ toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện ban đầu.

[2]. *Quan điểm của bị đơn – anh Nguyễn Mạnh T1:*

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Anh và chị Trương Thị Thanh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã VL ngày 05/01/2007. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình; đến năm 2010 thì vợ chồng về ở Đ Đ, VL cùng gia đình anh. Tuy nhiên trong quá trình chung sống chị T1 vẫn thường đi đi về về giữa nhà mẹ đẻ ở phường YP, quận TH và nhà chồng.

Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Do công việc của chị T bán hàng ăn nên đã ở nhà bố mẹ đẻ tại phường YP. Từ sau Tết Nguyên Đán chị T không về ở với anh nữa. Anh sang nhà vợ để gặp vợ nhưng chị T tránh mặt, không gặp anh. Theo anh tìm hiểu thì chị T có quan hệ với

người đàn ông khác, anh đã từng gặp người đó nhưng không nhớ họ tên, địa chỉ. Gia đình chị T cũng cố tình ủng hộ chị T nên không cho anh gặp chị. Lần cuối cùng anh gặp chị T là tháng 4/2019, anh sang gặp chị T ở nhà ngoại nhưng gia đình chị T lại gọi công đến và vu cho tôi là gây rối ở nhà chị T. Từ đó vợ chồng không gặp mặt nhau, anh gọi điện thoại thì chị T không nghe. Gia đình hai bên không tham gia hòa giải cho anh chị, địa phương không hòa giải vì anh chị không có mâu thuẫn lớn.

Đến nay chị T có yêu cầu ly hôn, quan điểm của anh là muốn vợ chồng ở với nhau, không muốn phải ly hôn để các con phải khổ. Đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh có 02 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh 29/6/2007 và Nguyễn Hải P, sinh 15/3/2017. Hiện nay các con đang ở với chị T, cháu Đ học lớp 7 trường THCS tại quận TH. Nếu phải ly hôn, anh để chị T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T1 thừa nhận nghiện ma túy, đã tự nguyện cai nghiện một lần và đến nay không còn nghiện nữa. Anh giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn. Về con chung và tài sản, công sức, nợ anh giữ nguyên như lời khai đã khai tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn nhiều lần không đến Tòa án theo giấy triệu tập, vắng mặt tại phiên họp hòa giải là chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Thanh T về việc ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T1.

Về con chung: Giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con vì các đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không giải quyết vì các bên không có yêu cầu.

Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trương Thị Thanh T và anh Nguyễn Mạnh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Đông Anh. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T1 nghiện ma túy, đã từng đi cai nghiện nhưng không cai được. Nhiều lần anh chửi bới, lăng mạ chị và gia đình chị.

Anh T1 xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng thừa nhận chị T1 và các con đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ lâu. Anh cho rằng chị T có người đàn ông khác nhưng không có tài liệu, chứng cứ về việc này. Anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải nhưng nhiều lần không đến Tòa án làm việc, không đến tham gia phiên hòa giải.

Đại diện gia đình: Bà Vũ Như V – mẹ của chị T xác nhận mâu thuẫn của anh chị là do anh T1 nghiện ma túy, nhiều lần anh T1 sang nhà bà để gặp chị T và gây rối tại nhà bà. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Tòa án đã mời gia đình anh T1 lên Tòa để ghi ý kiến nhưng gia đình anh T1 không đến Tòa án làm việc. Tòa án và chính quyền địa phương đến nhà anh T1 nhưng bố mẹ anh T1 không có nhà nên cũng không ghi được ý kiến của gia đình anh T1.

Công an xã VL xác nhận anh T1 là đối tượng nghiện ma túy, đã từng đi cai nghiện tự nguyện một lần, hiện nay vẫn nghiện ma túy thuộc đối tượng nghiện ma túy quản lý tại cộng đồng.

Như vậy xác định anh chị có mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân là do anh T1 nghiện ma túy không những ảnh hưởng đến bản thân mà còn ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Việc anh T1 sa vào tệ nạn xã hội dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể kéo dài vì không còn hạnh phúc. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn anh T1 theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:

Anh chị đều xác định có 02 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh 29/6/2007 và Nguyễn Hải P, sinh 15/3/2017. Hiện nay các con đang ở với chị T, cháu Đ học lớp 7 trường THCS tại quận TH. Anh T1 cũng có quan điểm nếu ly hôn sẽ để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Vì vậy nên để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của các bên. Về cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu nên Tòa án không phải xem xét, giải quyết. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm

nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công sức của vợ chồng và nợ chung: Các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Trương Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Thanh T với anh Nguyễn Mạnh T1. Chị Trương Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T1.

Hôn nhân chấm dứt kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xác định chị Trương Thị Thanh T với anh Nguyễn Mạnh T1 có 02 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh 29/6/2007 và Nguyễn Hải P, sinh 15/3/2017.

Giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị T phải chịu cả để sung công quỹ nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008622 ngày 20/6/2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị T và anh T1 đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Đông Anh.
- THA dân sự huyện Đông Anh.
- UBND xã VL, huyện ĐA.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Tuyến

